Lenovo

Lenovo ThinkPad L590 Intel® Core™ i5 i5-8265U Laptop 39,6 cm (15.6") 8 GB DDR4-SDRAM 256 GB SSD Màu đen

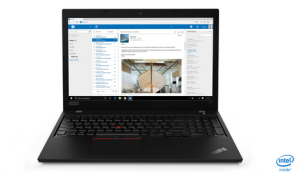

Nhãn hiệu : Lenovo **Họ sản phẩm:** ThinkPad **Mã sản phẩm:** 20Q7CTO1WW-C8-L6

Tên mẫu : L590

Lenovo ThinkPad L590. Sản Phẩm: Laptop, Hệ số hình dạng: Loại gấp. Họ bộ xử lý: Intel® Core™ i5, Model vi xử lý: i5-8265U, Tốc độ bộ xử lý: 1,6 GHz. Kích thước màn hình: 39,6 cm (15.6"). Bộ nhớ trong: 8 GB, Loại bộ nhớ trong: DDR4-SDRAM. Tổng dung lượng lưu trữ: 256 GB, Phương tiện lưu trữ: SSD. Model card đồ họa on-board: Intel® UHD Graphics. Màu sắc sản phẩm: Màu đen. Trọng lượng: 2 kg

Thiết kế	
Sản Phẩm *	Laptop
Màu sắc sản phẩm *	Màu đen
Hệ số hình dạng *	Loại gấp
Vật liệu vỏ bọc	Acrylonitrile butadiene styrene (ABS)
Định vị thị trường	Kinh doanh
Màn hình	
Kích thước màn hình *	39,6 cm (15.6")
Màn hình cảm ứng *	✕
Đèn LED phía sau	✔
Tỉ lệ khung hình thực	16:9
Bộ xử lý	
Hãng sản xuất bộ xử lý *	Intel
Họ bộ xử lý *	Intel® Core™ i5
Thế hệ bộ xử lý	8th gen Intel® Core™ i5
Model vi xử lý *	i5-8265U
Số lõi bộ xử lý	4
Các luồng của bộ xử lý	8
Tần số turbo tối đa	3,9 GHz
Tốc độ bộ xử lý *	1,6 GHz
Tốc độ bus hệ thống	4 GT/s
Bộ nhớ cache của bộ xử lý	6 MB
Dòng bộ nhớ cache CPU	Smart Cache
Đầu cắm bộ xử lý	BGA 1528
Bộ xử lý quang khắc (lithography)	14 nm
Các chế độ vận hành của bộ xử lý	64-bit
Tên mã bộ vi xử lý	Whiskey Lake
Loại bus	OPI
Công suất thoát nhiệt TDP	15 W
Tần số configurable TDP-up	1,8 GHz
Configurable TDP-up	25 W
TDP-down có thể cấu hình	10 W
Tần số TDP-down có thể cấu hình	0,8 GHz
Tjunction	100 °C
Số lượng tối đa đường PCI Express	16
Phiên bản PCI Express	3.0
Cấu hình PCI Express	1x4, 2x2

Cổng giao tiếp	
Số lượng cổng USB 3.2 Gen 2 (3.1 Gen 2)Type-C	1
Cổng Ethernet LAN (RJ-45)	1
Số lượng cổng HDMI *	1
Phiên bản HDMI	1.4b
Cổng kết hợp tai nghe/mic	✔
Bộ nối trạm	✔
Chế độ Thay thế DisplayPort USB Type-C	✔
Chức năng Ngủ và Sạc USB	✔
Cổng Ngủ và Sạc USB	1
Bàn phím	
Thiết bị chỉ điểm	ThinkPad UltraNav
Bàn phím số *	✔
Bàn phím chống nước	✔
Phần mềm	
Cấu trúc hệ điều hành	32-bit
Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Công nghệ Intel® My WiFi (Intel® MWT)	✔
Công nghệ Phản hồi Thông minh của Intel®	✔
Công nghệ Bảo vệ Danh tính Intel® (Intel® IPT)	✔
Công nghệ Siêu Phân luồng Intel® (Công nghệ Intel®)	✔
Công nghệ Intel® Turbo Boost	2.0
Công nghệ Enhanced Intel® SpeedStep	✔
Công nghệ Intel® Clear Video HD (Intel® CVT HD)	✔
Công nghệ Intel® Clear Video	✔
Công nghệ Đồng bộ nhanh video của Intel®	✔
Công nghệ Intel Flex Memory Access	✔
Hướng dẫn mới cho Intel® AES (Intel® AES-NI)	✔

Bộ nhớ	
Bộ nhớ trong *	8 GB
Loại bộ nhớ trong	DDR4-SDRAM
Tốc độ xung nhịp bộ nhớ	2400 MHz
Hệ số bộ nhớ tiêu chuẩn	SO-DIMM
Khe cắm bộ nhớ	2x SO-DIMM
Bộ nhớ trong tối đa *	64 GB

Dung lượng	
Tổng dung lượng lưu trữ *	256 GB
Phương tiện lưu trữ *	SSD
Tổng dung lương ở cứng SSD	256 GB
Số lượng ổ SSD được trang bị	1
Dung lượng ổ cứng thể rắn (SSD)	256 GB
Chuẩn giao tiếp ổ cứng thể rắn (SSD)	NVMe, PCI Express
NVMe	✔
Hệ số hình dạng ổ SSD	M.2
Loại ổ đĩa quang *	✘
Đầu đọc thẻ được tích hợp	✔
Thẻ nhớ tương thích	MicroSD (TransFlash)

Đồ họa	
Card đồ họa on-board *	✔
Họ card đồ họa on-board	Intel® UHD Graphics
Model card đồ họa on-board *	Intel® UHD Graphics
Tần số cơ bản card đồ họa on-board	300 MHz
Tần số động card đồ họa on-board (tối đa)	1100 MHz
Bộ nhớ tối đa của card đồ họa on-board	32 GB
Phiên bản DirectX của card đồ họa on-board	12.0
Phiên bản OpenGL của card đồ họa on-board	4.5
ID card đồ họa on-board	0x3EA0

Âm thanh	
Chip âm thanh	Realtek ALC3287
Hệ thống âm thanh	Dolby Advanced Audio
Số lượng loa gắn liền	2
Công suất loa	2 W
Micrô gắn kèm	✔

Máy ảnh	
Camera trước	✔
Độ phân giải camera trước	1280 x 720 pixels
Loại độ phân giải HD camera trước	HD
Camera riêng tư	✔
Loại riêng tư	Nắp che camera Privacy shutter

hệ thống mạng	
Loại ăngten	2x2
Kết nối mạng Ethernet / LAN	✔
Tốc độ truyền dữ liệu mạng cục bộ (LAN) Ethernet	10,100,1000 Mbit/s
Bluetooth	✔

Cổng giao tiếp	
Số lượng cổng USB 3.2 Gen 1 (3.1 Gen 1)Type-A *	2
Số lượng cổng USB 3.2 Gen 1 (3.1 Gen 1) Type-C *	1

Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Công nghệ Thực thi tin cậy Intel®	✘
Intel® Enhanced Halt State	✔
VT-x của Intel với công nghệ Bảng Trang Mở rộng (EPT)	✔
Khóa An toàn Intel	✔
Intel® TSX-NI	✘
Chương trình Nền tảng Hình ảnh Ổn định của Intel® (SIPP)	✘
Intel® OS Guard	✔
Mở Rộng Bảo Vệ Phần Mềm Intel® (Intel®SGX)	✔
Công nghệ Intel® Clear Video dành cho thiết bị di động kết nối internet được (Intel CVT cho MID)	✔
Kiến trúc Intel® 64	✔
Tính năng bảo mật Execute Disable Bit	✔
Trạng thái Chờ	✔
Công nghệ Theo dõi nhiệt	✔
Kích cỡ đóng gói của vi xử lý	46x24 mm
Hỗ trợ tài liệu hướng dẫn	AVX 2.0, SSE4.1, SSE4.2
Cấu hình bộ xử lý trung tâm (tối đa)	1
Các tùy chọn nhúng sẵn có	✘
Intel® Virtualization Technology for Directed I/O (VT-d)	✔
Phiên bản Công nghệ Intel Identity Protection	1,00
Phiên bản Công nghệ Intel® Smart Response	1,00
Phiên bản Intel® Stable Image Platform Program (SIPP)	0,00
Phiên bản Công nghệ Intel Secure Key	1,00
Phiên bản Intel® TSX-NI	0,00
Công nghệ Intel Virtualization (VT-x)	✔
ID ARK vi xử lý	149088

Pin	
Công nghệ pin	Lithium-Ion (Li-Ion)
Công suất pin *	45 Wh
Tuổi thọ pin (tối đa)	12 h
Sạc nhanh	✔

Điện	
Cổng sạc USB Type-C *	✔
USB Power Delivery	✔

Bảo mật	
Khe cắm khóa cáp	✔
Trusted Platform Module (TPM)	✔
Mã pin bảo vệt	✔
Bảo vệ bằng mặt khẩu	HDD, Khởi động, Supervisor

Chứng nhận	
Các loại giấy chứng nhận phù hợp	RoHS

Tính bền vững	
Chứng chỉ bền vững	EPEAT Silver, NGÔI SAO NĂNG LƯỢNG

Trọng lượng & Kích thước	
Chiều rộng	376,5 mm
Độ dày	254,5 mm
Chiều cao	22,9 mm

Trọng lượng & Kích thước	
Trọng lượng *	2 kg

Catalog Object Cloud

Disclaimer. The information published here (the "Information") is based on sources that can be considered reliable, typically the manufacturer, but this Information is provided "AS IS" and without guarantee of correctness or completeness. The Information is only indicative and can be changed at any time without notification. No rights can be based on the Information. Suppliers or aggregators of this Information do not accept any liability with regard to the content of (web)pages and other documents, including its Information. The publisher of the Information can not be held liable for the content of 3rd party websites that are linking this Information or are linked to from this Information. You as the User of the Information are solely responsible for the choice and usage of this Information. You are not entitled to transfer, copy or otherwise multiply or distribute the Information. You are obliged to follow the directions of the copyright owner(s) with regard to the use of the Information. Exclusively Dutch law is applicable. With regard to price and stock data on the site, the publisher followed a number of starting points, which are not necessarily relevant for your private or business circumstances. Therefore, the price and stock data are only indicative and are subject to changes. You are personally responsible for the way you use and apply this information. As a user of the Information or sites or documents in which this Information is included, you will adhere to standard fair use including avoidance of spamming, ripping, intellectual-property violations, privacy violations, and any other illegal activity.

Publication date: 25-JUN-2025. Prints or copies of Information are only valid on the printed Publication date